

Số: 201/2026/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 279/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị P, sinh ngày 02/10/1999. Căn cước công dân số 01....09. Địa chỉ: Bản M, xã S, tỉnh Sơn La.

- *Bị đơn*: Anh Lò Văn B, sinh ngày 01/01/1993. Căn cước công dân số 014....9. Địa chỉ: Bản M, xã S, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị P và anh Lò Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn B tự nguyện thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh Lò Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Văn N, sinh ngày 30/10/2014 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có khả năng lao động) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lò Thị P cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh B mỗi tháng là

1.000.000VNĐ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2026 đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có khả năng lao động) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị P được quyền thăm nom theo quy định của pháp luật; không ai được quyền cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị P và anh B xác nhận không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

d. Về án phí: Chị Lèo Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm về xin ly hôn là 75.000VNĐ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) và 150.000VNĐ về việc cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ được khấu trừ vào số tiền 225.000VNĐ (*Hai trăm hai mươi năm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000256 ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La, được trả lại 75.000VNĐ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*).

Anh Lèo Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm về xin ly hôn là 75.000VNĐ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tánh